

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HƯƠNG THỦY
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2021/HNGĐ-ST

Ngày 14-9-2021

*“V/v Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG THỦY, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Thành.

2. Ông Lê Viết Tân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hiếu - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Hương Thủy.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thảo Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2021, tại Toà án nhân dân thị xã Hương Thủy xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 99/2021/TLST-HNGĐ ngày 15/6/2021, về việc *“Ly hôn, tranh chấp nuôi về con khi ly hôn”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2021/QĐST-HNGĐ ngày 09/8/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị Ngọc Y, sinh năm 1993; địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Vĩnh Long, vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh Hoàng Trọng N, sinh năm 1990; địa chỉ: Số X đường N, phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 6 năm 2021 và lời khai có trong hồ sơ vụ án, N đơn là chị Trịnh Thị Ngọc Y trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị Ngọc Y và anh Hoàng Trọng N tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 14/02/2019, tại Ủy ban nhân dân phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống ở nhà cha mẹ chồng tại phường P, thị xã H. Quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn, N nhân là do không tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, anh N thiếu trách nhiệm với vợ con nên cuộc sống chung không hạnh phúc. Do đó, từ tháng 9/2019, chị Y về quê ở tại ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Vĩnh Long để sinh sống, vợ chồng sống ly thân cho đến nay, không quan tâm chăm sóc nhau. Nay chị Y không còn tình cảm và không thể trở về chung sống với anh N nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh N.

Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng có 01 con chung tên là Hoàng Nhật Minh A, sinh ngày 02/9/2019. Cháu Anh đang ở với chị Y. Chị Y yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Anh và yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 06 tháng 7 năm 2021 và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, bị đơn là anh Hoàng Trọng N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Trọng N và chị Trịnh Thị Ngọc Y đăng ký kết hôn vào ngày 14/02/2019, tại Ủy ban nhân dân phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau tại nhà cha mẹ của anh N ở phường P, thị xã H. Vợ chồng chung sống với nhau bình thường cho đến khi chị Y mang thai rồi vào nhà ngoại để sinh con thì không chịu ra nhà chồng nữa. Anh N có vào động viên nhưng chị Y vẫn không đồng ý. Anh N thừa nhận có lúc chưa làm tròn trách nhiệm với vợ con nhưng phía chị Y ở lại nhà cha mẹ đẻ ở Vĩnh Long nên mâu thuẫn vợ chồng không thể giải quyết được. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay, tình cảm chung không thể hàn gắn nên anh N đồng ý ly hôn chị Y.

Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng có 01 con chung tên là Hoàng Nhật Minh A, sinh ngày 02/9/2019. Hiện cháu Anh đang ở với chị Y. Anh N đồng ý giao cháu Anh cho chị Y trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000đ, kể từ khi bản án có hiệu lực cho đến khi cháu Anh đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do N đơn có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật. N đơn, bị đơn chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình. N đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt N đơn.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Thị Ngọc Y, cho chị Y được ly hôn anh Hoàng Trọng N; giao cháu Anh cho chị Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi; anh Hoàng Trọng N cấp dưỡng nuôi cháu Anh mỗi tháng là 2.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt N đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị Ngọc Y và anh Hoàng Trọng N tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 14/02/2019, tại Ủy ban nhân dân phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị Y và anh N là hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2019 cho đến nay, hai bên không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, cuộc sống của ai người đó tự lo liệu. Chị Y và anh N đều thống nhất ly hôn. Xét thấy, tình trạng mâu thuẫn giữa vợ chồng chị Y và anh N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, chị Y yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh N là có căn cứ theo quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Y và anh N có 01 con chung tên là Hoàng Nhật Minh A, sinh ngày 02/9/2019. Từ khi vợ chồng sống ly thân, cháu Anh vẫn ở cùng với chị Y. Cháu Anh hiện đang dưới 36 tháng tuổi. Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình: “*Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi*”. Chị Y và anh N đều thống nhất giao cháu Anh cho chị Y chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp, cần chấp nhận.

[4] Về cấp dưỡng: Xét thấy, cha (mẹ) không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của chị Y và sự tự nguyện của anh N, buộc anh N cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000đồng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Y và anh N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39, Điều 147; khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Thị Ngọc Y, chị Trịnh Thị Ngọc Y được ly hôn anh Hoàng Trọng N.

2. Về con chung: Giao cháu Hoàng Nhật Minh A, sinh ngày 02/9/2019 cho chị Trịnh Thị Ngọc Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi.

Anh Hoàng Trọng N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng: Anh Hoàng Trọng N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Hoàng Nhật Minh A mỗi tháng 2.000.000 đồng, kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực cho đến khi cháu Anh đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ khoản tiền cấp dưỡng nuôi con hàng tháng thì người phải thi hành án còn phải trả thêm khoản tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Buộc chị Trịnh Thị Ngọc Y phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2016/0001403 ngày 15/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Thủy. Chị Y đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Hoàng Trọng N chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

Nguyên đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT Huế;
- VKSND TX. Hương Thủy;
- CCTHADS TX. Hương Thủy;
- UBND phường P, thị xã H;
- (ĐKKH số 18 ngày 14/02/2019)
- Các đương sự.
- Lưu: HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Phương Thảo